

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 04 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hòa

Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Điều N, sinh năm 1998, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Stiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Thị KĐ; có vợ: Thị Ng và 01 người con; tiền án: 01, ngày 17/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 45/2019/HS-ST chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2020 đến nay; “có mặt”.

2. Điều T, sinh năm 2002, tại Bình Phước; nơi cư trú: thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Stiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều Té và bà Thị Bom; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Điều T: Bà Thị B, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước “có mặt”;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Thái H, Trợ giúp viên pháp lý

Nhà nước tỉnh Bình Phước bào chữa cho các bị cáo Điều N và Điều T “có mặt”.

- *Người bị hại:* Bà Trần Thị Hồng Nh, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 05/10/2020, Điều N rủ Điều T đi bán gà thì T đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49T8-7911 chở T phía sau ôm theo 02 con gà đến cửa hàng tạp hóa “Sang Nga” ở thôn Đ, xã H, huyện B để bán. Khi đến nơi, T đem 02 con gà vào bán cho Trần Thị Hồng Nh được 360.000 đồng rồi N nói T mua 05 cái khẩu trang y tế và 01 chai nước ngọt hết 20.000 đồng. Lúc này, N phát hiện trên bàn có 01 hộp đựng card điện thoại di động (thẻ cào) đang để gần chỗ N đứng, N nảy sinh ý định trộm cắp hộp card điện thoại trên nên nói T lấy trộm nhưng T sợ không dám lấy thì N nói T ngồi lên phía trước điều khiển xe mô tô để N ngồi phía sau lấy trộm thì T đồng ý. Khi Nh trả tiền xong, lợi dụng lúc Nh không để ý, N ngồi sau dùng tay trái với qua lấy trộm hộp card điện thoại, sau đó T điều khiển xe mô tô chở N về nhà N ở thôn Bù Cà Roi, xã Đức Hạnh. Khi chạy đến gần cây xăng Mỹ Hoa thuộc thôn Phước Sơn, xã Đức Hạnh thì N lấy số card điện thoại trộm được bỏ vào túi quần và vứt hộp đựng card điện thoại ở ven đường. Khi về đến nhà, N cho T 30.000 đồng tiền bán gà và 02 card điện thoại, mỗi card mệnh giá 100.000 đồng và T đã nạp vào điện thoại của mình để sử dụng.

Đối với Trần Thị Hồng Nh, khi phát hiện mất hộp card điện thoại di động liền kiểm tra camera thì phát hiện Điều T và Điều N chính là người đã lấy trộm nên đã đến Công an xã Đức Hạnh trình báo vụ việc.

Ngày 06/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã thu giữ 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng; 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 49T8-7911 để phục vụ việc điều tra.

Theo kết luận định giá tài sản số 39 ngày 12/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bù Gia Mập kết luận: 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng có giá trị là: 5.000.000 đồng, 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng có giá trị là: 4.200.000 đồng. Tổng giá trị theo định giá là: 9.200.000 đồng.

Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1010 ngày 10/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Điều T có độ tuổi là 17 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 05/11/2020.

Bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 18/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Điều N và Điều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Điều N từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 90 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Điều T từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Đối với 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng; 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng. Ngày 09/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả lại cho Nh và Nh không có yêu cầu gì, nên không đề cập xử lý.

Đối với 02 thẻ cào điện thoại, mỗi thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng mà Điều T đã nạp vào điện thoại, nên không thu hồi được, hiện Nh không có yêu cầu gì nên không đề cập xử lý.

Đối với hộp đựng card điện thoại (thẻ cào) mà Điều N đã vứt ở ven đường thuộc thôn Phước Sơn, xã Đức Hạnh. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 49T8-7911 mà Điều N dùng để chở Điều T đi bán gà và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của N mua từ một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch; xe không có giấy chứng nhận đăng ký. Cơ quan điều tra đã tra cứu để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa có kết quả, nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt là 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng và 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng cho người bị hại bà Trần Thị Hồng Nh. Bà Nh không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị:

Đối với bị cáo Điều N từ giai đoạn điều tra đến khi xét xử, tại phiên tòa hôm nay bị cáo T khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp 1/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Điều N hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 “T khẩn khai báo”, khoản 2 Điều 51 “bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp 1/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế” để

áp dụng mức hình phạt tù giam ít nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, sớm về đoàn tụ với gia đình.

Đối với bị cáo Điều T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp 2/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Từ giai đoạn điều tra đến khi xét xử bị cáo là người luôn tỏ ra ăn năn hối cải, T khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong thời gian bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt mọi quy định của pháp luật. Bị cáo Điều T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “T khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, khoản 2 Điều 51 “người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp 2/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế”. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/QN-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị cáo Điều T không có ý kiến yêu cầu gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Điều T.

Các bị cáo Điều N và Điều T nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản người phạm tội ra đầu thú; kết luận định giá tài sản; lời khai

của người bị hại phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án và diễn biến khách quan của vụ án tại phiên tòa: Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 15 giờ ngày 05/10/2020, bị cáo Điều N đã rủ và chở bị cáo Điều T (là người dưới 18 tuổi) đi đến cửa hàng tạp hóa của bà Trần Thị Hồng Nh ở thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước để bán gà. Khi bán gà xong, bị cáo N phát hiện trên bàn có 01 hộp đựng card điện thoại nên bị cáo N nói với bị cáo T điều khiển xe để bị cáo N ngồi phía sau lấy trộm. Sau khi lấy trộm được hộp đựng card điện thoại thì bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N về nhà. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 9.200.000 đồng.

[3] Đối chiếu với hành vi nêu trên của các bị cáo Điều N và Điều T so với những quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện việc phạm tội. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Điều N sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Điều T sau khi phạm tội đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Điều N và Điều T là người dân tộc thiểu số (dân tộc Stiêng), sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp do đó nhận thức về pháp luật hạn chế.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Điều N tái phạm; xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự được quy định tại điểm h, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Điều T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5.3] Về nhân thân: Đối với bị cáo Điều N trước đó, ngày 17/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số: 45/2019/HS-ST chưa được xóa án tích. Xét thấy, bị cáo Điều N đã bị Tòa án xử phạt về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không có sự tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở T người công dân tốt mà tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo là người thiếu tôn trọng pháp luật nên bị cáo không được xét là người có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Điều T là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Đánh giá vai trò của các bị cáo: trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, tuy nhiên cần đánh giá tính chất hành vi phạm tội cũng như vai trò từng bị cáo để có mức hình phạt sát đúng. Trong vụ án này, bị cáo N là người rủ bị cáo T và bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Tiếp đến bị cáo T là người trực tiếp điều khiển phương tiện để chở bị cáo N sau khi bị cáo N chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N là người có nghề nghiệp làm nông, không có thu nhập thường xuyên; bị cáo Điều T là người dưới 18 tuổi. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Điều N và Điều T.

[8] Đối với bị cáo Điều T, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa T niên (dưới 18 tuổi). Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1010/ĐT/2020 ngày 10/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Điều T có độ tuổi là 17 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định ngày 05 tháng 11 năm 2020. Do vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với bị cáo là người chưa T niên phạm tội quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo N từ 15 đến 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ và vai trò của bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T từ giai đoạn điều tra đến khi xét xử đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn, bị cáo có trình độ học vấn thấp 2/12 nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Hơn nữa, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa T niên (Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 1010/ĐT/2020 ngày 10/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Điều T có độ tuổi là 17 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định ngày 05 tháng 11 năm 2020). Do đó, cần áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/QN-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý tang vật và không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, quan điểm bảo chữa của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt là 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng và 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng cho người bị hại bà Trần Thị Hồng Nh và bà Nh không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 25 thẻ cào Viettel mệnh giá 200.000 đồng; 40 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng. Ngày 09/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bù Gia Mập đã trả lại cho Nh và Nh không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 02 thẻ cào điện thoại, mỗi thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng mà Điều T đã nạp vào điện thoại, nên không thu hồi được, hiện Nh không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với hộp đựng card điện thoại (thẻ cào) mà Điều N đã vớt ở ven đường thuộc thôn Phước Sơn, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Dream biển kiểm soát 49T8-7911 mà Điều N dùng để chở Điều T đi bán gà và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là của N mua từ một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch; xe không có giấy chứng nhận đăng ký. Cơ quan điều tra đã tra cứu để làm rõ nguồn gốc và chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa có kết quả, nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo Điều N và Điều T phải chịu án phí sơ thẩm hình

sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Điều N và Điều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Điều N 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 65, Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 260, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Điều T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Điều T cho UBND xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án được hưởng án treo.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Điều N và Điều T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an, VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tổ tụng khác;
- Lưu: HSVA, TA.

Nguyễn Văn Công